

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Sunshine Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đòi hỏi.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đòi hỏi cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đòi hỏi cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đòi hỏi trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đòi hỏi.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG- 1.875 MG-1.875 MG- 1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG- 7.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 10 MG, 15 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 5 MG	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS</i> 5 MG, 10 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl</i> 60 MG, 80 MG, 100 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl</i> 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd)</i> TB12	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i> 20 MG, 40 MG	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
HYSINGLA ER T24A	3	QL(2 ea daily)	<i>morphine sulfate TABS 15 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
			<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG	3	QL(12 ea daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
Opioid Combinations			<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)			
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA			
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones

Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	

ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching

Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)

ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections

Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA

ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain

Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-Inflammatory Agents			ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
Bronchodilators - Anticholinergics			<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
ATROVENT HFA	3	Limit 2 inhalers per month; QL(0.44 gm daily)	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	QVAR REDHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	Sympathomimetics		
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)
Leukotriene Modulators			<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors					
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)			
Steroid Inhalants					
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	STRIVERDI RESPIMAT	2	
			<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
			<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
DULERA	2		Xanthines		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
			Coumarin Anticoagulants		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	Direct Factor Xa Inhibitors		
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Heparins And Heparinoid-Like Agents			FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML</i>	4	SP	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		Anticonvulsants - Misc.		
Thrombin Inhibitors			APTOM	3	QL(2 ea daily); ST
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
EPIDIOLEX	3	PA	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B		Carbamates		
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	GABA Modulators		
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>escitalopram oxalate</i> TABS 5 MG	1B	QL(4 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10</i> MG	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20</i> MG	1B	QL(3 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CAPS 40</i> MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate</i> 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate</i> 25 MG, 50 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20</i> MG, 30 MG, 60 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10</i> MG, 60 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40</i> MG	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS 20</i> MG	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 25 MG, 50 MG	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 100 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150</i> MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75</i> MG	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30</i> MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5</i> MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40</i> MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10</i> MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5</i> MG, 75 MG, 225 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20</i> MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150</i> MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25</i> MG, 37.5 MG	1B	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>paroxetine hcl TB24 12.5</i> MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>amitriptyline hcl</i> TABS	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 25</i> MG, 50 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	PA
<i>sertraline hcl TABS 100</i> MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>desipramine hcl</i> TABS	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>trazodone hcl</i> TABS	1B		<i>imipramine hcl</i> TABS	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine pamoate</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl</i> CAPS	1B	
			<i>nortriptyline hcl</i> SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
<i>deferoxamine mesylate</i>	4	PA
DESFERAL 500 MG (<i>deferoxamine mesylate</i>)	4	PA
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
AKYNZEO SOLR	4	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>miconazole sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Antiadrenergic Antihypertensives					
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)			
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	3	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimyasthenic/Cholinergic Agents			<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML</i>	4	PA
FIRDAPSE	4	PA	<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA	<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B		<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML</i>	4	PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)			<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
Antimycobacterial Agents			EVOMELA	4	PA
CAPASTAT SULFATE	3		GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)	GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		IFEX SOLR	4	PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid TABS</i>	1B		IFOSFAMIDE SOLR	4	PA
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)	LEUKERAN	4	SP; PA
PRIFTIN	3		<i>melphalan</i>	1B	
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>melphalan hcl</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA	MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
<i>rifampin SOLR</i>	1B		TEMODAR SOLR	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	TEPADINA 100 MG (<i>thiotepa</i>)	4	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>thiotepa 100 MG</i>	4	PA
Alkylating Agents			<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
BELRAPZO SOLN	4	PA	VIVIMUSTA SOLN	4	PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	YONDELIS	4	PA
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	4	PA	ZANOSAR	4	SP; PA
BENDEKA SOLN	4	PA	Antimetabolites		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	4	PA
azacitidine SUSR	4	SP; PA
capecitabine	4	SP; PA
cladribine 10 MG/10ML	4	PA
clofarabine	4	SP; PA
cytarabine SOLN	4	SP; PA
decitabine	4	SP; PA
floxuridine	4	SP; PA
fludarabine phosphate SOLN	4	SP; PA
fludarabine phosphate SOLR	4	SP; PA
fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	4	PA
fluorouracil 500 MG/10ML	4	SP; PA
FOLOTYN (pralatrexate)	4	PA
gemcitabine hcl SOLR 200 MG	4	SP; PA
gemcitabine hcl SOLR 2 GM	4	PA
gemcitabine hcl SOLR 1 GM	4	PA
mercaptopurine TABS	1B	
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	1B	
methotrexate sodium SOLR	1B	SP
methotrexate sodium TABS 2.5 MG	1B	SP
nelarabine	4	SP; PA
pemetrexed disodium SOLR 100 MG	4	PA
pemetrexed disodium SOLR 500 MG	4	SP; PA
pralatrexate	4	PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
CYRAMZA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
BAVENCIO	4	PA
BESPONSA	4	PA
BLINCYTO	4	PA
DARZALEX	4	PA
EMPLICITI	4	PA
GAZYVA	4	PA
IMFINZI	4	PA
KADCYLA	4	PA
KEYTRUDA	4	PA
LIBTAYO	4	PA
LUMOXITI	4	PA
MYLOTARG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
POTELIGEO	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
RUXIENCE	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
TECENTRIQ 1200 MG/20ML	4	PA	<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TRUXIMA	4	PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
YERVOY	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			EMCYT	4	SP; PA
KANJINTI	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
OGIVRI	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
TRAZIMERA	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	<i>letrozole</i>	1B	
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
PORTRAZZA	4	PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
VECTIBIX 400 MG/20ML	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
DAURISMO	4	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA			
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN 50 MG/10ML	4	PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
VYXEOS	4	PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
BELEODAQ	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	TABRECTA	4	PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KOSELUGO	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TURALIO	4	AC; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
			VITRAKVI SOLN	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
TICE BCG	4	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
ELITEK	4	PA
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
KHAPZORY	4	PA
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>mesna SOLN</i>	4	PA
MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	4	PA
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 45 MG	4	PA
JEVTANA	4	SP; PA
MARQIBO	4	PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	4	PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	4	PA
Oncolytic Viral Agents		
IMLYGIC	4	PA
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	4	PA
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
ONIVYDE	4	PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	PA
TOPOTECAN HCL SOLN	4	PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
TASMAR (<i>tolcapone</i>)	3	
<i>tolcapone</i>	3	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2	PA	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA	Phenothiazines		
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
Butyrophenones			<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>prochlorperazine</i>	1B	
Dibenzapines			<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TABS</i>	1B		Quinolinone Derivatives		
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	REXULTI	3	PA
<i>loxapine succinate</i>	1B		Thioxanthenes		
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Antiretrovirals		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	EPIVIR SOLN (<i>lamivudine</i>)	3	QL(30 ml daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	EPIVIR TABS 300 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B		EPIVIR TABS 150 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	2	QL(4 ea daily)	EPZICOM (<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	2	QL(1 ea daily)	EVOTAZ	2	QL(1 ea daily)
CIMDUO	2	QL(1 ea daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
COMBIVIR (<i>lamivudine-zidovudine</i>)	3		FUZEON SOLR	4	SP; PA
COMPLERA	2	QL(1 ea daily)	GENVOYA	2	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	INTELENCE 100 MG (<i>etravirine</i>)	2	QL(4 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	INTELENCE 200 MG (<i>etravirine</i>)	2	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	2	QL(1 ea daily)	INTELENCE 25 MG	2	QL(8 ea daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily); PA	ISENTRESS HD TABS	2	QL(2 ea daily)
DOVATO	2	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	2	QL(6 ea daily)
EDURANT	2	QL(1 ea daily)	ISENTRESS PACK	2	QL(8 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	ISENTRESS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	JULUCA	2	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA SOLN (<i>lopinavir-ritonavir</i>)	3	QL(12.5 ml daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA TABS (<i>lopinavir-ritonavir</i>)	2	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	
EMTRIVA CAPS (<i>emtricitabine</i>)	2	QL(1 ea daily)	LEXIVA SUSP	2	QL(56 ml daily)
EMTRIVA SOLN	2	QL(24 ml daily)	LEXIVA TABS (<i>fosamprenavir calcium</i>)	3	QL(4 ea daily)
			<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
			<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>maraviroc</i> TABS 150 MG	1B	QL(2 ea daily)	SUNLENCA TBPK	3	
<i>nevirapine</i> SUSP	1B	QL(40 ml daily)	SUSTIVA CAPS 50 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine</i> TABS	1B		SUSTIVA CAPS 200 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine</i> TB24 400 MG	1B	QL(1 ea daily)	SUSTIVA TABS (<i>efavirenz</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine</i> TB24 100 MG	1B	QL(3 ea daily)	SYMFI (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	2	QL(12 ea daily)	SYMFI LO (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	QL(1 ea daily)
NORVIR SOLN	2	QL(15 ml daily)	SYMTUZA	2	QL(1 ea daily)
NORVIR TABS (<i>ritonavir</i>)	3	QL(12 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS	1B	
ODEFSEY	2	QL(1 ea daily)	TIVICAY PD TBSO	2	
PIFELTRO	2	QL(1 ea daily)	TIVICAY TABS	2	QL(2 ea daily)
PREZCOBIX	2	QL(1 ea daily)	TRIUMEQ PD TBSO	2	
PREZISTA SUSP	2	QL(12 ml daily)	TRIUMEQ TABS	2	QL(1 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	2	QL(2 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	2	QL(1 ea daily)	TRUVADA (<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	2	QL(2 ea daily)	TYBOST	2	QL(1 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	1B		VIRACEPT TABS 250 MG	2	QL(10 ea daily)
RETROVIR CAPS (<i>zidovudine</i>)	3		VIRACEPT TABS 625 MG	2	QL(4 ea daily)
RETROVIR SYRP (<i>zidovudine</i>)	3		VIREAD POWD	2	QL(7.5 gm daily)
REYATAZ CAPS 300 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(1 ea daily)	VIREAD TABS (<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	
REYATAZ CAPS 200 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(2 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	2	QL(1 ea daily)
REYATAZ PACK	2		ZIAGEN SOLN (<i>abacavir sulfate</i>)	3	QL(32 ml daily)
<i>ritonavir</i> TABS	1B	QL(12 ea daily)	ZIAGEN TABS (<i>abacavir sulfate</i>)	3	
RUKOBIA	2	PA	<i>zidovudine</i> CAPS	1B	
SELZENTRY SOLN	2	QL(30 ml daily)	<i>zidovudine</i> SYRP	1B	
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine</i> TABS	1B	
SELZENTRY TABS 150 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(2 ea daily)	CMV Agents		
SELZENTRY TABS 300 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(4 ea daily)			
<i>stavudine</i> CAPS	1B	QL(2 ea daily)			
STRIBILD	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	2	QL(60 ml daily); SP; PA
EPIVIR HBV TABS (<i>lamivudine (hbv)</i>)	3	QL(3 ea daily); SP
HEPSERA (<i>adefovir dipivoxil</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
Progestin Contraceptives - Oral		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill			
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill			
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)			
Burn Products					
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
			<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
			<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
			<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	Local Anesthetics - Topical		
<i>prednicarbate OINT</i>	1B		<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B		SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA	Rosacea Agents		
Emollients			<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC	<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC	<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
Enzymes - Topical			<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
SANTYL OINT	3	PA	<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
Immunomodulating Agents - Topical			<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	Scabicides & Pediculicides		
Immunosuppressive Agents - Topical			<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA	<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA	<i>malathion</i>	1B	
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents			<i>permethrin CREA</i>	1B	
			<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
			<i>spinosad</i>	1B	PA
			Wound Care Products		
			REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
PTS PANELS KETONE TEST	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE TRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
<i>FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
<i>FOSAMAX PLUS D</i>	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>PAMIDRONATE DISODIUM SOLN</i>	4	SP; PA
<i>PROLIA SOSY</i>	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
<i>TERIPARATIDE SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); PA
<i>TYMLOS</i>	4	PA
<i>XGEVA SOLN</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
<i>ACTHAR</i>	3	PA
Fertility Regulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA	<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA	<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
GRANIX SOLN	4	PA	INFED	4	PA
GRANIX SOSY	4	PA	VENOFER	4	PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA	Stem Cell Mobilizers		
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA	MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA	<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	Hemostatics - Systemic		
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
RETACRIT	4	PA	<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA	<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
UDENYCA SOAJ	4	PA	HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
UDENYCA SOSY	4	PA	Barbiturate Hypnotics		
ZARXIO	4	PA	<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
ZIEXTENZO	4	PA	<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hematopoietic Mixtures			Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Iron			Non-Barbiturate Hypnotics		
			<i>estazolam</i>	1B	
			<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
			<i>flurazepam hcl</i>	1B	
			<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES					
Blood Pressure Devices					
ADVOCATE ARM BLOOD PRESSURE MONITOR/SMALL/MEDIUM DEVI	2		KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	1B	
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE REDICODE+ CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	AGAMATRIX CONTROL HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)	CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL HIGH LIQD	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	CONTOUR HIGH CONTROL LIQD	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		EASY TALK PLUS II CONTROL HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		EASY TRAK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	1B	
			EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
			FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD	1B	
LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
ONETOUCH VERIO LEVEL 4 CONTROL SOLUTION LIQD	1B	
PRODIGY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
RIGHTTEST GC300 HIGH CONTROL LIQD	1B	
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN	1B	
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
UNISTRIP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
ELLIOTTS B	4	PA
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
			MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
			Central Muscle Relaxants		
			<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ml daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACRAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
KINRIX SUSY	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ</i> 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ</i> 0.25 MG/5ML	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ</i> 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2</i> MG	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1</i> MG	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20</i> MG/2ML	1A	
<i>famotidine SOLN 40</i> MG/4ML, 200 MG/20ML	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150</i> MG	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium</i> CPDR 20 MG	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium</i> CPDR 40 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium</i> TBEC	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30</i> MG	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15</i> MG	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium</i> CPDR	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium</i> TBEC 20 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium</i> TBEC 40 MG	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC

URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms

Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)

<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)

Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists

<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants

<i>flavoxate hcl</i>	1B	
----------------------	----	--

VACCINES

Bacterial Vaccines

MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply

Viral Vaccines

ABRYSVO	0	
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
HAVRIX	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
ROTATEQ SOLN	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAQTA	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	31	acyclovir SUSP	33	2024 SUSP	66
abacavir sulfate TABS	31	acyclovir TABS OR	33	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66
abacavir sulfate-lamivudine	31	acyclovir topical CREA	41	AGAMATRIX CONTROL HIGH SOLN	53
ABELCET	18	acyclovir topical OINT	41	AIMOVIG	54
abiraterone acetate 250 MG	25	ADACEL SUSP	65	AIMSCO LUBRICATED MISC	52
abiraterone acetate 500 MG	25	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	AKYNZEO	17
ABRYSVO	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	AKYNZEO SOLR	17
acamprosate calcium	62	adapalene CREA	38	albendazole	7
acarbose	15	adapalene GEL 0.1 %	38	albuterol sulfate AERS	9
acebutolol hcl CAPS	33	adapalene GEL 0.3 %	38	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	38	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	38	albuterol sulfate SYRP	9
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	albuterol sulfate TABS	9
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	33	alclometasone dipropionate CREA	41
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	35	alclometasone dipropionate OINT	41
acetazolamide CP12	44	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	64	ALDURAZYME	46
acetazolamide sodium	44	ADVOCATE ARM BLOOD PRESSURE MONITOR/SMALL/MEDIUM DEVI	52	ALECENSA	26
acetazolamide TABS 125 MG	44	ADVOCATE CONTROL SOLUTIONHIGH LIQD	53	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	45
acetazolamide TABS 250 MG	44	ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .	53	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	45
acetic acid (otic)	61	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	66	alfuzosin hcl	48
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	66	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	24
acetylcysteine SOLN	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	ALINIA SUSR	21
acitretin 10 MG, 17.5 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	aliskiren fumarate	21
acitretin 25 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	allopurinol	49
ACTHAR	45			almotriptan malate 12.5 MG	55
ACTIMMUNE	28				
acyclovir CAPS	33				

almotriptan malate 6.25 MG 55	amiloride & hydrochlorothiazide .. 45	lansoprazole THPK 66
ALOCRIL 60	amiloride hcl TABS 45	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG 1
alogliptin benzoate 15	aminocaproic acid TABS 50	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG 1
alogliptin-metformin hcl 15	aminophylline SOLN 10	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG 15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG 1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG 15	amiodarone hcl TABS 8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
ALOMIDE 60	amitriptyline hcl TABS 14	amphotericin b IV 18
alose tron hcl 48	amlodipine besylate TABS 34	amphotericin b liposome 18
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 35	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM 62
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	ampicillin CAPS 500 MG 62
alprazolam TB24 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	ampicillin sodium IJ 1 GM 62
alprazolam TBDP 8	amlodipine besylate-valsartan 20	anagrelide hcl 49
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 60	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide 20	anastrozole 25
ALTABAX 39	amoxapine 14	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
ALUNBRIG TABS 26	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 62	ANNOVERA 37
ALUNBRIG TBPK 26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 62	ANORO ELLIPTA 9
ALVESCO 9	amoxicillin & pot clavulanate TABS 62	ANZEMET TABS 50 MG 17
alvimopan 48	amoxicillin CAPS 61	APIDRA SOLN 16
amantadine hcl CAPS 29	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 61	
amantadine hcl SOLN 29	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML 61	
amantadine hcl TABS 29	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 62	
ambrisentan 35	amoxicillin TABS 62	
amcinonide CREA 41	amoxicillin-clarithromycin w/	
amcinonide LOTN 41		
amcinonide OINT 41		
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2		

APIDRA SOLOSTAR SOPN	16	aspirin TBEC 325 MG	4	AZELEX	38
apomorphine hydrochloride SOCT	29	aspirin TBEC 81 MG	4	azithromycin PACK	51
apraclonidine hcl	59	aspirin-dipyridamole	49	azithromycin SOLR	51
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	31	azithromycin SUSR	51
aprepitant CAPS 80 MG	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG	31	azithromycin TABS 250 MG	51
aprepitant CAPS	17	atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 500 MG	51
aprepitant MISC	17	atenolol TABS	33	azithromycin TABS 600 MG	51
APTIOM	11	ATGAM	57	aztreonam 1 GM	22
APTIVUS CAPS	31	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	60
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	49	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	58
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	50	atovaquone	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	36
ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl	22	balsalazide disodium CAPS	48
AREXVY	66	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	65	BALVERSA	26
arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	65	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole SOLN OR	30	AUSTEDO TABS	63	BARACLUDE SOLN	33
aripiprazole TABS	30	AVONEX PEN AJKT	63	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
armodafinil	1	AVONEX PSKT	63	BAVENCIO	24
ARMOUR THYROID TABS	64	AYVAKIT	26	BAXDELA SOLR	47
ARNUITY ELLIPTA	9	azacitidine SUSR	24	BAXDELA TABS	47
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AZASITE	60	BELEODAQ	26
ARZERRA	24	AZATHIOPRINE	57	BELRAPZO SOLN	23
asenapine maleate 2.5 MG	30	azathioprine TABS	57	BELSOMRA	51
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	30	azelaic acid GEL	43	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	20
aspirin CHEW	4	azelastine hcl (ophth)	60	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	20
aspirin TABS 325 MG	4	azelastine hcl	59	benazepril hcl	19

bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone dipropionate augmented OINT	41	BRAFTOVI 75 MG	26
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	23	betamethasone valerate CREA ...	41	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	9
BENDEKA SOLN	23	betamethasone valerate FOAM ...	41	BREO ELLIPTA	10
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 38		betamethasone valerate LOTN ...	41	BREZTRI AEROSPHERE	10
benzonatate 100 MG	38	betamethasone valerate OINT	41	BRILINTA	49
benzonatate 150 MG	38	BETASERON KIT	63	brimonidine tartrate (topical)	43
benzonatate 200 MG	38	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	60
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	38	betaxolol hcl	33	brimonidine tartrate-timolol maleate . 59	
benzoyl peroxide GEL 10 %	38	bethanechol chloride 25 MG	66	brinzolamide	60
benzoyl peroxide GEL 5 %	38	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	38	bexarotene (topical)	40	BRIVIACT TABS	11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 38		bexarotene	28	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	.61
benztropine mesylate SOLN	29	bicalutamide	25	bromocriptine mesylate CAPS	29
benztropine mesylate TABS	29	BIKTARVY	31	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	29
bepotastine besilate	60	bimatoprost SOLN	61	BRUKINSA	26
BESIVANCE	60	bisacodyl SUPP	51	budesonide (inhalation) SUSP	9
BESPONSA	24	bisacodyl TBEC	51	budesonide (intrarectal)	7
betaine	46	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide (nasal)	59
betamethasone dipropionate (topical) CREA	41	bisoprolol fumarate	33	budesonide CPEP	37
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	41	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	BLINCYTO	24	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	45
betamethasone dipropionate augmented CREA	41	BOOSTRIX SUSP	65	bumetanide TABS	45
betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	BOOSTRIX SUSY	65	buprenorphine hcl SOLN	7
		bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SUBL	7
		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
		bosentan TABS 125 MG	35	buprenorphine hcl-naloxone hcl	
		bosentan TABS 62.5 MG	35		
		BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26		
		BOSULIF TABS 400 MG	26		

dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	carbamazepine CHEW	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	cabergoline	47	carbamazepine CP12 100 MG	11
buprenorphine PTWK	7	CABLIVI	49	carbamazepine CP12 200 MG	12
bupropion hcl (smoking deterrent)	63	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 300 MG	12
bupropion hcl TABS	13	calcipotriene CREA	40	carbamazepine SUSP	12
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene OINT	40	carbamazepine TABS	12
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene SOLN	40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	41	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	42	carbidopa	29
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcitonin (salmon) NA	45	carbidopa-levodopa TABS	29
bupirone hcl 5 MG	8	calcitriol (topical)	40	carbidopa-levodopa TBCR	29
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol CAPS	46	carbidopa-levodopa TBDP	29
busulfan SOLN	23	calcitriol SOLN IV	46	carbidopa-levodopa-entacapone	29
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	48	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	48	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	51	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	26	carisoprodol TABS	59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	28	carmustine	23
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil	20	carteolol hcl (ophth)	59
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	carvedilol	33
butenafine hcl	39	CAPASTAT SULFATE	23	carvedilol phosphate	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	capecitabine	24	caspofungin acetate	18
		CAPRELSA	26	CAYA DPRH	52
		captopril 12.5 MG	19	CAYSTON	22
		captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefaclor CAPS	36
				cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	36

cefadroxil CAPS	35	CHEMET	17	ciclopirox olamine SUSP	39
cefadroxil SUSR	35	CHEMSTRIP-K STRP	44	ciclopirox SHAM	39
cefadroxil TABS	35	chloramphenicol sodium succinate 21		ciclopirox SOLN	39
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	36	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	33
cefdinir CAPS	36	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	65	cilostazol	49
cefdinir SUSR	36	chlordiazepoxide-amitriptyline	63	CIMDUO	31
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	36	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	57	cimetidine TABS	65
cefixime CAPS	36	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	46
cefixime SUSR	36	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	CIPRO SUSR	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	60
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl (otic)	61
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	36	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	45	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefpodoxime proxetil SUSR	36	chlorzoxazone TABS 500 MG	59	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefpodoxime proxetil TABS	36	CHOLBAM	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil SUSR	36	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	ciprofloxacin-dexamethasone	61
cefprozil TABS	36	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	61
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	36	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	36	cholestyramine light POWD	19	cisplatin SOLN 50 MG/50ML	23
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	36	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime axetil TABS	36	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	36	choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	3	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 46		citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	ciclopirox GEL	39	cladribine 10 MG/10ML	24
cephalexin CAPS	36	ciclopirox olamine CREA	39	clarithromycin SUSR	51
cephalexin SUSR	36			clarithromycin TABS	51
CERDELGA	49			clarithromycin TB24	51
CEREZYME 400 UNIT	49				
cetirizine hcl TABS	18				
cevimeline hcl	57				

CLASSIC PRENATAL TABS	57	59	clozapine TBDP 100 MG	30
clemastine fumarate SYRP	18	clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobazam TABS	11	30
CLEVER CHOICE GLUCOSE		clobetasol propionate CREA 0.05 % .	42	clozapine TBDP 25 MG
CONTROL HIGH LIQD	53	clobetasol propionate emollient base		30
CLIMARA PRO	47	0.05 %	42	COARTEM
clindamycin hcl	22	clobetasol propionate FOAM	42	codeine sulfate TABS 30 MG
clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate GEL 0.05 %	42	CODEINE SULFATE TABS
clindamycin phosphate (topical)		clobetasol propionate OINT 0.05 %	42	colchicine TABS
FOAM	38	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	42	colchicine w/ probenecid
clindamycin phosphate (topical) GEL	38	clocortolone pivalate	42	colesevelam hcl PACK
38		clofarabine	24	colesevelam hcl TABS
clindamycin phosphate (topical)		clomipramine hcl	14	colestipol hcl GRAN
LOTN	39	clonazepam TABS	11	colestipol hcl PACK
clindamycin phosphate (topical)		clonidine	20	colestipol hcl TABS
SOLN	39	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMBIVIR (lamivudine-zidovudine) .
clindamycin phosphate (topical)		clonidine hcl TABS	20	31
SWAB	39	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMETRIQ KIT
clindamycin phosphate SOLN IJ 9		clopidogrel bisulfate 75 MG	49	26
GM/60ML, 300 MG/2ML, 600		clorazepate dipotassium TABS	8	COMETRIQ KIT
MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000		clotrimazole (topical) CREA	39	27
MG/60ML	22	clotrimazole (topical) SOLN	39	COMIRNATY 2023-24 SUSP
clindamycin phosphate vaginal CREA		clotrimazole	57	66
.....	69	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	66
clindamycin phosphate-benzoyl		clotrimazole w/ betamethasone		COMIRNATY SUSP
peroxide (refrigerate)	39	CREA	39	67
clindamycin phosphate-benzoyl		clotrimazole w/ betamethasone		COMPLERA
peroxide GEL 5 %-1 %	39	LOTN	39	31
clindamycin phosphate-tretinoin ..	39	clozapine TABS	30	CONTOUR HIGH CONTROL LIQD
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	59			53
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	59			CONTRAVE
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%				1
				COPIKTRA
				27
				CORDRAN TAPE
				42
				CORLANOR SOLN
				35
				CORLANOR TABS
				35
				CORTISPORIN-TC
				61
				COSENTYX SENSOREADY PEN

SOAJ	40	AJKT	3	deferiprone TABS 500 MG	17
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	41	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	deferoxamine mesylate	17
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	41	cyproheptadine hcl SYRP	19	deflazacort TABS	37
COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	40	cyproheptadine hcl TABS	19	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	47
CREON CPEP	44	CYRAMZA	24	DELSTRIGO	31
CRESEMBA CAPS 186 MG	18	CYTAGON CAPS	48	demeclocycline hcl TABS	64
cromolyn sodium (ophth)	61	CYSTARAN	61	DEPO-ESTRADIOL	47
cromolyn sodium NEBU	9	cytarabine SOLN	24	DEPO-MEDROL SUSP	37
crotamiton LOTN	43	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	37
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	58	dacarbazine SOLR 200 MG	28	DESCOVY 200 MG-25 MG	31
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49	dactinomycin	26	DESFERAL 500 MG (deferoxamine mesylate)	17
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	59	dalfampridine	63	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide CAPS	23	danazol CAPS	7	desloratadine TABS	18
cyclophosphamide SOLR IJ	23	dantrolene sodium CAPS	59	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cycloserine	23	dapsone	22	desmopressin acetate SOLN IJ ...	46
cyclosporine (ophth) EMUL	60	daptomycin 500 MG	21	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	46
cyclosporine CAPS	57	darifenacin hydrobromide	66	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	57	darunavir TABS 600 MG	31	desmopressin acetate spray refrigerated	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	57	darunavir TABS 800 MG	31	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46	
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	57	DARZALEX	24	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46	
CYLTEZO AJKT	3	DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN 50 MG/10ML	26	desogestrel & ethinyl estradiol	36
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3	DAURISMO	25	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	36
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	DEBACTEROL	57	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	36
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS		decitabine	24	desonide CREA	42
		deferasirox PACK	17		
		deferasirox TABS	17		
		deferasirox TBSO	17		

desonide LOTN	42	dextrose in lactated ringers	55	diflunisal TABS	4
desonide OINT	42	DIACOMIT CAPS 250 MG	12	difluprednate	60
desoximetasone CREA 0.25 %	42	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	34
desoximetasone GEL	42	DIACOMIT PACK 250 MG	12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	34
desoximetasone OINT 0.25 %	42	DIACOMIT PACK 500 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	55
desvenlafaxine succinate 100 MG	14	DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	55
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13
dexamethasone ELIX	37	diazepam CONC	8	DILANTIN	13
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	37	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	60	diazepam TABS	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	37	diazoxide	15	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	34
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	37	dichlorphenamide	44	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	34
dexamethasone SOLN	37	diclofenac epolamine PTCH EX ...	40	diltiazem hcl CP12	34
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	37	diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl CP24	34
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	37	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	40	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	34
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18		diclofenac sodium (ophth)	61	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	34
dexlansoprazole	65	diclofenac sodium (topical) GEL EX 40		DILTIAZEM HCL SOLR	34
dexmethylphenidate hcl CP24	1	diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl TABS	34
dexmethylphenidate hcl TABS	1	diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl TB24	34
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC ...	3	dimethyl fumarate CDPK	63
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicloxacin sodium	62	dimethyl fumarate CPDR	63
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl CAPS	65	DIPENTUM	48
		dicyclomine hcl SOLN OR	65	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	
		dicyclomine hcl TABS	65		
		DIFFERIN LOTN	39		
		DIFICID TABS	52		
		diflorasone diacetate CREA	42		
		diflorasone diacetate OINT	42		

diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	40	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (sleep)	50	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	52
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl CAPS	14	dutasteride	48
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxepin hcl CONC	14	dutasteride-tamsulosin hcl	48
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxercalciferol CAPS	46	EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
dipyridamole	49	doxercalciferol SOLN	46	EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl liposomal	26	EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	53
disulfiram	62	doxorubicin hcl SOLN	26	EASY TALK PLUS II CONTROLHIGH SOLN	53
divalproex sodium TB24	13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG	26	EASY TRAK GLUCOSE CONTROLSOLUTION HIGH SOLN 53	
divalproex sodium TBEC	13	doxorubicin hcl SOLR 50 MG	26	econazole nitrate CREA	40
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	64	EDARBI	20
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	64	EDURANT	31
docusate calcium	51	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	64	efavirenz CAPS 200 MG	31
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	64	efavirenz CAPS 50 MG	31
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	64	efavirenz TABS	31
dofetilide	8	doxycycline hyclate CAPS	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	62	doxycycline hyclate SOLR	64	disoproxil fumarate	31
donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 62		doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	62	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	disoproxil fumarate	31
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62		dronabinol CAPS	17	EGRIFTA 2 MG	46
DOPTELET	50	drosiprenone-ethinyl estradiol	36	EGRIFTA SV	46
dorzolamide hcl	61	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	36	ELAPRASE	46
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DROXIA CAPS	49	electrolyte-148	55
DOVATO	31	DUAVEE	47	electrolyte-a	55
doxazosin mesylate	20	DULERA	10	ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	53
		duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELESTRIN GEL	47

eletriptan hydrobromide	55	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	EPIVIR HBV SOLN	33
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	enalapril maleate TABS	EPIVIR HBV TABS (lamivudine (hbv))	33
ELIQUIS STARTER PACK TBPK ..	10	ENBREL MINI SOCT	EPIVIR SOLN (lamivudine)	31
ELIQUIS TABS	10	ENBREL SOLN	EPIVIR TABS 150 MG (lamivudine)	31
ELITEK	28	ENBREL SOLR	EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine)	31
ELLA	37	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	eplerenone	21
ELLIOTTS B	55	ENBREL SOSY 50 MG/ML	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50
ELMIRON CAPS	48	ENBREL SURECLICK SOAJ	epoprostenol sodium	35
EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	53	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	EPZICOM (abacavir sulfate-lamivudine)	31
EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN ..	53	ENGERIX-B SUSY	EQL PRENATAL FORMULA TABS	58
EMCYT	25	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	EQUETRO 100 MG	29
EMFLAZA SUSP	37	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	EQUETRO 200 MG	29
EMFLAZA TABS (deflazacort)	37	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	EQUETRO 300 MG	29
EMGALITY SOAJ	54	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	ERAXIS	18
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	ERBITUX	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	ergocalciferol CAPS	70
EMPLICITI	24	ENSPRYNG	ergocalciferol SOLN OR	70
EMSAM	13	entacapone	ergoloid mesylates TABS	63
emtricitabine CAPS	31	entecavir TABS	ERGOMAR SUBL	55
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	31	EPIDIOLEX	ergotamine w/ caffeine TABS	54
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	31	epinastine hcl (ophth)	ERIVEDGE	25
EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ...	31	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	ERLEADA 240 MG	25
EMTRIVA SOLN	31		ERLEADA 60 MG	25
EMVERM CHEW	7		erlotinib hcl	25

ERTACZO	40	ethacrynic acid	45	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65
ertapenem sodium IJ	21	ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	30
erythromycin (acne aid) PADS	39	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	30
erythromycin (acne aid) SOLN	39	ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	52
erythromycin (ophth)	60	ethynodiol diacet & eth estrad	36	FANTASY	
erythromycin base CPEP	51	etodolac CAPS	3	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
erythromycin base TABS	51	etodolac TABS	3	FARXIGA	16
erythromycin base TBEC	51	etonogestrel-ethinyl estradiol	37	FASENRA PEN SOAJ	8
erythromycin ethylsuccinate SUSR	52	ETOPOPHOS	28	FASENRA SOSY	8
erythromycin ethylsuccinate TABS	52	etoposide CAPS	28	FC2 FEMALE CONDOM	52
escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100	28	febuxostat	49
escitalopram oxalate TABS 10 MG	13	MG/5ML, 500 MG/25ML	28	felbamate SUSP	12
escitalopram oxalate TABS 20 MG	13	etravirine 100 MG	31	felbamate TABS 400 MG	12
escitalopram oxalate TABS 5 MG .	14	etravirine 200 MG	31	felbamate TABS 600 MG	12
esomeprazole magnesium CPDR 20	65	EUCRISA	43	felodipine	34
esomeprazole magnesium CPDR 40	65	EVAMIST SOLN	47	FEMCAP DEVI	52
esomeprazole magnesium TBEC .	65	everolimus (immunosuppressant)		FEMRING	69
estazolam	50	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	57	fenofibrate micronized 67 MG, 134	
estradiol GEL	47	everolimus TABS	27	MG, 200 MG	19
estradiol PTTW	47	EVOMELA	23	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
estradiol PTWK	47	EVOTAZ	31	MG, 160 MG	19
estradiol TABS	47	exemestane	25	fenoprofen calcium TABS	3
estradiol vaginal CREA	69	ezetimibe	19	FENSOLVI SC	46
estradiol vaginal TABS	69	ezetimibe-simvastatin	19	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol valerate	47	famciclovir 125 MG, 250 MG	33	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25	
ESTROGEL GEL	47	famciclovir 500 MG	33	MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,	
eszopiclone	50	famotidine in nacl SOLN	65	100 MCG/HR	5
		famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	ferrous fumarate-folic acid	50
		famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200	65	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50
		MG/20ML	65	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	
		famotidine SUSR	65	50

ferrous sulfate TBEC 325 MG	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	fluocinonide OINT	42
fesoterodine fumarate	66	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinonide SOLN	42
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluorometholone (ophth) SUSP	60
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorouracil (topical) CREA 5 %	40
finasteride	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorouracil (topical) SOLN	40
fingolimod hcl	63	fluconazole SUSR	18	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	24
FIRDAPSE	23	fluconazole TABS	18	fluorouracil 500 MG/10ML	24
FIRMAGON	25	flucytosine	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14
flavoxate hcl	66	fludarabine phosphate SOLN	24	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14
flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14
floxuridine	24	fludrocortisone acetate TABS	38	fluoxetine hcl CPDR	14
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	67	fluoxetine hcl SOLN	14
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	67	FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluphenazine hcl CONC	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	flunisolide (nasal) 0.025 %	59	fluphenazine hcl ELIX	30
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	fluocinolone acetonide (otic)	61	fluphenazine hcl SOLN	30
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022	67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 42		fluphenazine hcl TABS	30
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	42	flurandrenolide CREA	42
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	67	fluocinolone acetonide OIL	42	flurandrenolide LOTN	42
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	67	fluocinolone acetonide OINT	42	flurazepam hcl	50
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	67	fluocinolone acetonide SOLN	42	furbiprofen sodium	61
		fluocinonide CREA 0.05 %	42	furbiprofen TABS	3
		fluocinonide emulsified base	42	flutamide	25
		fluocinonide GEL	42	fluticasone furoate-vilanterol	10
				fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
				fluticasone propionate (nasal) SUSP	59

fluticasone propionate CREA 0.05 % 42	FML OINT60	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM54
fluticasone propionate hfa9	folic acid TABS49	
fluticasone propionate LOTN42	FOLOTYN (pralatrexate)24	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM54
fluticasone propionate OINT42	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT10	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM54
fluticasone-salmeterol AERO10	FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN53	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM54
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS44	
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..44	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM54
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN54	frovatriptan succinate 55
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG14	formoterol fumarate NEBU10	fulvestrant SOSY25
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021- 202268	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))45	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML45
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 202368	FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN54	furosemide TABS45
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 202468	FOSAMAX PLUS D45	FUZEON SOLR31
FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP68	fosamprenavir calcium TABS31	FYCOMPA TABS 2 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY68	fosfomycin tromethamine22	FYCOMPA TABS 4 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP68	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20	FYCOMPA TABS 6 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY68	fosinopril sodium19	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY68	fosphenytoin sodium13	gabapentin CAPS12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP68	FRAGMIN SOSY11	gabapentin SOLN12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM54	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM54	GALAFOLD46
FML FORTE SUSP60		galantamine hydrobromide CP24 .62
		galantamine hydrobromide SOLN .62
		galantamine hydrobromide TABS .62

GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 61	gentamicin sulfate (topical) OINT ..39	glycopyrrolate TABS 1 MG 65
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML 2	glycopyrrolate TABS 2 MG 65
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML 61	GENVOYA31	GLYXAMBI 15
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR61	GILOTRIF 25	GNP PRENATAL TABS 58
GAMMAKED 1 GM/10ML61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 63	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS44
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 63	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17
GAMUNEX-C 1 GM/10ML61	GLEOSTINE 10 MG 23	granisetron hcl TABS 17
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML 61	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23	GRANIX SOLN50
ganciclovir sodium SOLR33	glimepiride 1 MG, 2 MG16	GRANIX SOSY 50
ganirelix acetate46	glimepiride 4 MG16	GRASTEK SUBL2
GARDASIL 9 SUSP68	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	griseofulvin microsize SUSP18
GARDASIL 9 SUSY68	glipizide TB24 16	griseofulvin microsize TABS 18
gatifloxacin (ophth)60	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15	griseofulvin ultramicrosize18
GAZYVA24	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG15	guanfacine hcl (adhd)1
gefitinib25	GLUCAGEN DIAGNOSTIC44	guanfacine hcl20
gemcitabine hcl SOLR 1 GM 24	glucagon (rdna)15	GYNAZOLE-169
gemcitabine hcl SOLR 2 GM 24	GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD54	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ3
gemcitabine hcl SOLR 200 MG24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	HADLIMA SOSY 3
gemfibrozil TABS19	glyburide TABS 16	HAEGARDA SOLR SC 49
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	HALAVEN 28
gentamicin sulfate (ophth) OINT ...60	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15	halcinonide CREA 42
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..60	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 48	halobetasol propionate CREA 42
gentamicin sulfate (topical) CREA .39	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML65	halobetasol propionate OINT 42
		HALOG OINT 42
		haloperidol decanoate30
		haloperidol lactate CONC 30
		haloperidol lactate SOLN 30
		haloperidol TABS 30
		HAVRIX 68

HEMANGEOL SOLN OR34	hydrocodone bitartrate T24A5	hydromorphone hcl LIQD 5
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML11	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .38	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML6	hydromorphone hcl TABS5
HEPLISAV-B SOSY68	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...5
HEPSERA (adefovir dipivoxil)33	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5
HUMATROPE CART IJ46	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG6	hydroxyurea28
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3	hydrocortisone (intrarectal)7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ...8
HUMIRA PEN PNKT3	hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxyzine hcl SYRP8
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %42	hydroxyzine hcl TABS8
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 42	hydroxyzine pamoate CAPS8
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %42	HYPERSAL NEBU38
HUMIRA PSKT3	hydrocortisone acetate (rectal)7	HYQVIA61
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC16	hydrocortisone butyrate CREA42	HYSINGLA ER T24A5
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC16	hydrocortisone butyrate OINT42	ibandronate sodium SOLN45
HYCAMTIN CAPS28	hydrocortisone butyrate SOLN42	ibandronate sodium TABS45
hydralazine hcl SOLN21	hydrocortisone TABS37	IBRANCE CAPS27
hydralazine hcl TABS21	hydrocortisone vaginal69	IBRANCE TABS27
hydrochlorothiazide CAPS45	hydrocortisone valerate CREA42	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML3
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 45	hydrocortisone valerate OINT42	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..3
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG45	hydrocodone w/acetic acid61	ibuprofen TABS 800 MG3
		icatibant acetate SOLN49
		icatibant acetate SOSY49
		ICLUSIG27
		icosapent ethyl 1 GM19
		idarubicin hcl 20 MG/20ML26
		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML26

IFEX SOLR	23	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	ISENTRESS CHEW	31
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	ISENTRESS HD TABS	31
ifosfamide SOLR	23	FLEXPEN SUPN	ISENTRESS PACK	31
IFOSFAMIDE SOLR	23	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	ISENTRESS TABS	31
imatinib mesylate	27	SUSP	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	56
IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	INSULIN ASPART SOLN IJ	ISOLYTE-S	56
IMBRUVICA CAPS 70 MG	27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	isoniazid SOLN	23
IMBRUVICA SUSP	27	INSULIN DEGLUDEC SOLN	isoniazid SYRP	23
IMBRUVICA TABS	27	INTELENCE 100 MG (etravirine) ..	isoniazid TABS	23
IMFINZI	24	INTELENCE 200 MG (etravirine) ..	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	7
imipenem-cilastatin IV	21	INTELENCE 25 MG	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 35	
imipramine hcl TABS	14	INTRAROSA	isosorbide mononitrate TABS	7
imipramine pamoate	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	isosorbide mononitrate TB24	7
imiquimod 5 %	43	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	39
IMLYGIC	28	IOPIDINE	isradipine CAPS	34
IMPAVIDO	21	IPOL INACTIVATED IPV	itraconazole CAPS	18
INCRELEX	46	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 59	itraconazole SOLN	18
INCRUSE ELLIPTA	9	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 59	ivermectin (pediculicide)	43
indapamide TABS 1.25 MG	45	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	ivermectin	7
indapamide TABS 2.5 MG	45	ipratropium-albuterol SOLN	IXEMPRA KIT 15 MG	28
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irbesartan	IXEMPRA KIT 45 MG	28
indomethacin CPCR	4	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	JAKAFI	27
INFED	50	IRESSA (gefitinib)	JANUMET TABS	15
INFLECTRA SOLR	48	irinotecan hcl 300 MG/15ML	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
INGREZZA CAPS	63	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INGREZZA CPPK	63	irrigation solutions, physiological .	JANUVIA	15
INLYTA	24		JARDIANCE	16
INREBIC	27			
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16				

JEVTANA	28	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	52	labetalol hcl SOLN	33
JULUCA	31	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	33
KADCYLA	24	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	labetalol hcl TABS 300 MG	33
KALETRA SOLN (lopinavir-ritonavir) .	31	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	12
KALETRA TABS (lopinavir-ritonavir) .	31	KIMONO PS LUBRICATED MISC	52	lacosamide TABS	12
KALYDECO TABS	64	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52	lactated ringer's (irrigation)	57
KAMELEON LUBRICATED MISC	52	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	52	lactated ringer's	56
KANJINTI	25	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	lactic acid (ammonium lactate) CREA	43
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	56	KIMONO SPECIAL DEVI	52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	43
KEPIVANCE 6.25 MG	28	KINRIX SUSY	65	lactulose (encephalopathy)	48
KESIMPTA	63	KISQALI	27	lactulose SOLN	51
ketoconazole (topical) CREA	40	KISQALI FEMARA 200 DOSE	26	lamivudine (hbv) TABS	33
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	40	KISQALI FEMARA 400 DOSE	26	lamivudine SOLN	31
ketoconazole	18	KISQALI FEMARA 600 DOSE	26	lamivudine TABS 150 MG	31
KETONE STRP	44	KLARITY-A	60	lamivudine TABS 300 MG	31
KETONE TEST STRIPS STRP	44	KOSELUGO	27	lamivudine-zidovudine	31
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	58	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketorolac tromethamine (ophth) ...	61	KRINTAFEL	22	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketorolac tromethamine TABS	4	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52	lamotrigine TABS	12
KETOSTIX STRP	44	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	52	lamotrigine TBDP	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	61	KYPROLIS	27	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	34
KEVZARA SOAJ	3			LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	34
KEVZARA SOSY	3			lansoprazole CPDR 15 MG	65
KEYTRUDA	24			lansoprazole CPDR 30 MG	65
KHAPZORY	28			lanthanum carbonate CHEW	48
KIMONO COLORS DEVI	52			lapatinib ditosylate	27
KIMONO LUBRICATED MISC	52			LASTACAFT	61

latanoprost SOLN	61	levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51
leflunomide	4	levetiracetam TB24	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	57
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	57	levobunolol hcl 0.5 %	59	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	57
lenalidomide 20 MG	56	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine hcl GEL 2 %	43
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...	24	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		lidocaine hcl PRSY	43
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	60	lidocaine hcl SOLN	43
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	47	lidocaine PTCH 5 %	43
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin SOLN OR	47	lidocaine-prilocaine CREA	43
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47		lincomycin hcl	22
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin TABS 500 MG	47	linezolid SUSR	22
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 36		linezolid TABS	22
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	37	LINZESS	48
letrozole	25	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	36	liothyronine sodium SOLN	64
leucovorin calcium SOLR	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	36	liothyronine sodium TABS	64
leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	36	lisdexamphetamine dimesylate CAPS 1	
LEUKERAN	23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 36		lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20
LEUKINE SOLR IJ	50	levorphanol tartrate TABS 2 MG ...	5	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	levothyroxine sodium TABS	64	lithium	29
levalbuterol hcl	10	LEXIVA SUSP	31	lithium carbonate CAPS	29
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ...	10	LEXIVA TABS (fosamprenavir calcium)	31	lithium carbonate TABS	29
levalbuterol tartrate	10	LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	54	lithium carbonate TBCR	29
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	LIBTAYO	24	LO LOESTRIN FE TABS	36
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ...	16			LOKELMA	57
LEVEMIR SOLN	16			loperamide hcl CAPS	17
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12				lopinavir-ritonavir SOLN	31
levetiracetam TABS 1000 MG	12			lopinavir-ritonavir TABS	31
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12			loratadine CAPS	18
				loratadine CHEW	18
				loratadine SOLN	18

loratadine TABS	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	46	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	62
loratadine TBDP	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	46	mefenamic acid CAPS	4
lorazepam CONC	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29	mefloquine hcl	22
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	29	megestrol acetate (appetite)	62
lorazepam TABS 1 MG	8	LYNPARZA TABS	27	megestrol acetate SUSP	25
LORBRENA	27	LYSODREN	25	megestrol acetate TABS	25
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	mafenide acetate PACK	41	MEKINIST TABS 0.5 MG	27
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		magnesium sulfate IJ 50 %	56	MEKINIST TABS 2 MG	27
losartan potassium	20	malathion	43	MEKTOVI	27
LOTEMAX OINT	60	maraviroc TABS 150 MG	32	meloxicam TABS	4
loteprednol etabonate GEL	60	maraviroc TABS 300 MG	31	melphalan	23
loteprednol etabonate SUSP	60	MARPLAN	13	melphalan hcl	23
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MARQIBO	28	memantine hcl TABS	62
lovastatin TABS 40 MG	19	MASONATAL TABS	58	MENACTRA	66
loxapine succinate	30	MATULANE	28	MENEST	47
lubiprostone	47	MAXIDEX SUSP OP	60	MENOSTAR PTWK	47
LUCEMYRA	62	MAXX LUBRICATED MISC	52	MENQUADFI	66
luliconazole	40	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	MENVEO SOLR	66
LUMIZYME	46	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMOXITI	24	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	meclofenamate sodium CAPS	4	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	37	meprobamate	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	37	mercaptopurine TABS	24
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	37	meropenem	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 46		medroxyprogesterone acetate 10 MG	62	mesalamine CP24	48
				mesalamine CPDR	48
				mesalamine ENEM	48
				mesalamine SUPP	48

mesalamine TBEC 1.2 GM	48	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	MG/5ML, 10 MG/10ML	47
mesalamine TBEC 800 MG	48	methoxsalen rapid	41	metoclopramide hcl TABS
mesna SOLN	28	methscopolamine bromide	65	metolazone
MESNEX SOLN (mesna)	28	methsuximide	13	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG
metaxalone 800 MG	59	methyldopa TABS	20	20
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 200 MG 33
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	33
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl SOLN	2	33
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	.5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2	34
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) CREA
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	43
5		methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 43
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..
methadone hcl TABS 5 MG	5	20 MG	2	43
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) LOTN
methamphetamine hcl	1	27 MG	2	43
methazolamide TABS	44	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole TABS
methenamine hippurate	22	54 MG	2	21
methimazole TABS	64	methylphenidate PTCH	2	metronidazole vaginal
METHITEST TABS	7	methylprednisolone acetate SUSP 37		69
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	59	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	37	mexiletine hcl
METHOTREXATE	2	37		8
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24	methylprednisolone TABS	37	micafungin sodium
methotrexate sodium SOLR	24	methylprednisolone TBPK	37	18
		metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	48	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG
		metoclopramide hcl SOLN OR 5		69
				69
				15
				49
				64
				64
				21

MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	50	montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 20 MG	34
mirtazapine TABS 15 MG	13	montelukast sodium TABS	9	nadolol TABS 40 MG	34
mirtazapine TABS 30 MG	13	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5		nadolol TABS 80 MG	34
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	nafcillin sodium IV 10 GM	62
mirtazapine TBDP 15 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	naftifine hcl CREA 1 %	40
mirtazapine TBDP 30 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	40
mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate TABS 15 MG	5	NAGLAZYME	46
misoprostol	65	morphine sulfate TABS 30 MG	5	nalbuphine hcl	7
mitomycin SOLR IV 20 MG	26	morphine sulfate TBCR	5	naloxone hcl LIQD	17
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	26	MOTOFEN	17	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17
M-M-R II SOLR	68	MOVANTIK	48	naltrexone hcl	17
M-NATAL PLUS TABS	58	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	60	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl in sodium chloride	47	naproxen SUSP	4
modafinil 200 MG	2	moxifloxacin hcl TABS	47	naproxen TABS	4
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	68	MOZOBIL (plerixafor)	50	naproxen TBEC 500 MG	4
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	68	MULPLETA	50	naratriptan hcl	55
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	68	MULTI PRENATAL TABS	58	NATACYN	60
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	68	mupirocin OINT	39	NATAZIA	36
moexipril hcl	19	MVASI	24	nateglinide	16
mometasone furoate (nasal) SUSP	59	MYALEPT	46	NAYZILAM	11
mometasone furoate CREA	42	mycophenolate mofetil CAPS	57	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	34
mometasone furoate OINT	43	mycophenolate mofetil TABS	57	nebivolol hcl 20 MG	34
mometasone furoate SOLN	43	mycophenolate sodium	57	NEBUSAL NEBU	38
montelukast sodium CHEW	9	MYLERAN TABS	23	nefazodone hcl	14
		MYLOTARG	24	nelarabine	24
		nabumetone	4	neomycin sulfate TABS	2
				neomycin-bacitracin zn-polymyxin	60
				neomycin-polymy-dexameth OINT	60
				neomycin-polymy-dexameth SUSP	

60	nicardipine hcl CAPS	34	nitroglycerin PT24	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	nicardipine hcl SOLN	34	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
61	nicotine MISC XX	63	nitroglycerin SUBL	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	nicotine polacrilex GUM	63	NIVA-PLUS TABS	58
61	nicotine polacrilex LOZG	63	nizatidine CAPS	65
NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		nizatidine SOLN	65
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	MG/24HR, 21 MG/24HR	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	NICOTINE TRANSDERMAL		MG/3ML	46
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	SYSTEM KIT	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	NICOTROL INHALER INHA	63	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
NEONATAL PLUS TABS	NICOTROL NS SOLN	63	MG/1.5ML	46
58	nifedipine CAPS 10 MG	34	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	37
NEONATAL PRENATAL VITAMIN	nifedipine CAPS 20 MG	34	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	36
TABS	nifedipine TB24 60 MG	34	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	36
58	nifedipine TB24 90 MG	34	norethin acet & estrad-fe TABS 1	
NEONATAL VITAMIN TABS	nifedipine TB24	34	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
58	nilutamide	25	MCG-75 MG	36
neostigmine methylsulfate SOSY ..	nimodipine CAPS	34	norethindrone & eth estradiol	37
23	NINLARO	27	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	
NEO-SYNALAR	NIPENT	28	37	
39	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG,		norethindrone (contraceptive)	37
NEUPRO	30 MG, 34 MG, 40 MG	34	norethindrone acet & eth estra	37
29	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	62
NEVANAC	nitisinone CAPS	46	norethindrone acetate-ethinyl	
61	NITRO-BID OINT	8	estradiol	47
nevirapine SUSP	nitrofurantoin	22	norethindrone acetate-ethinyl	
32	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		estradiol-fe	37
nevirapine TABS	100 MG	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	
32	nitrofurantoin monohyd macro ...	22	37
nevirapine TB24 100 MG	nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestimate-ethinyl estradiol	
32	nitroglycerin CPR	8	(triphasic)	37
nevirapine TB24 400 MG			norgestimate-ethinyl estradiol	37
32			norgestrel & ethinyl estradiol 30	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole			MCG-0.3 MG	37
magnesium)				
65				
NEXTSTELLIS				
36				
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..				
19				
niacin CPR 250 MG, 500 MG				
70				
niacin TABS				
70				
niacin TBCR				
70				
NIACIN TR TBCR				
70				
niacinamide TABS 100 MG				
70				
niacinamide TABS 500 MG				
70				

NORMOSOL-M/D5W	56	nystatin (mouth-throat)	57	omeprazole CPDR	65
NORMOSOL-R	56	nystatin (topical) CREA	40	omeprazole magnesium CPDR	65
nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) OINT	40	omeprazole TBEC	65
nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) POWD EX	40	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	66
NORVIR PACK	32	nystatin TABS	18	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52
NORVIR SOLN	32	nystatin-triamcinolone CREA	40	ONCASPAR	28
NORVIR TABS (ritonavir)	32	nystatin-triamcinolone OINT	40	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	44	octreotide acetate SOLN	47	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODEFSEY	32	ondansetron hcl SOSY	17
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	OFEV	64	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (ophth)	60	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	ofloxacin (otic)	61	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole)	18	OGIVRI	25	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	58
NP THYROID 120 TABS	64	olanzapine SOLR	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	58
NP THYROID 15 TABS	64	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	54
NP THYROID 30 TABS	64	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	54
NP THYROID 60 TABS	64	olanzapine TBDP 20 MG	30	ONETOUCH VERIO LEVEL 4 CONTROL SOLUTION LIQD	54
NP THYROID 90 TABS	64	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	30	ONIVYDE	29
NUBEQA	25	olmesartan medoxomil	20	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	25
NUCALA SOAJ	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	OPILL	37
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	OPSUMIT	35
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olopatadine hcl (nasal)	59	ORENITRAM TBCR	35
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	olopatadine hcl 0.1 %	61		
NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl 0.2 %	61		
NUCYNTA TABS	5	omega-3-acid ethyl esters	19		
NUEDEXTA	63				
NULOJIX	57				

ORLISSA	46	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	paricalcitol SOLN	46
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	64	oxymorphone hcl TABS	5	paroxetine hcl SUSP	14
ORKAMBI TABS	64	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	paroxetine hcl TABS 10 MG	14
ORLADEYO	49	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5	paroxetine hcl TABS 20 MG	14
orphenadrine citrate TB12	59	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16	paroxetine hcl TABS 30 MG	14
oseltamivir phosphate CAPS	33	OZEMPIC SOPN	16	paroxetine hcl TABS 40 MG	14
oseltamivir phosphate SUSR	33	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14
OSMOPREP	51	paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML	28	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14
OSPHENA	46	paclitaxel protein-bound particles ..	28	PASER PACK	23
OTEZLA TABS	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	30	pazopanib hcl	27
OTEZLA TBPK	4	paliperidone 6 MG	30	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	57
oxacillin sodium IV 10 GM	62	palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	51
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	51
oxandrolone	7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45		peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	51
oxaprozin TABS	4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	44	PEGASYS SOLN	33
oxazepam CAPS	8	PANRETIN	40	PEGASYS SOSY	33
OXBRYTA TABS 500 MG	49	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		PEMAZYRE	27
oxcarbazepine SUSP	12	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		pemetrexed disodium SOLR 100 MG 24	
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	paricalcitol CAPS	46	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12			penciclovir	41
oxiconazole nitrate CREA	40			penicillamine CAPS	56
OXISTAT LOTN	40			penicillamine TABS	56
oxybutynin chloride SOLN	66			penicillin g potassium 5000000 UNIT 62	
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	66			PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-	
oxybutynin chloride TB24	66				
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5				
oxycodone hcl TABS	5				

OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	62	phenelzine sulfate	13	pirfenidone CAPS	64
PENICILLIN G PROCAINE	62	phenobarbital ELIX	50	pirfenidone TABS 534 MG	64
penicillin g sodium	62	phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	50	piroxicam CAPS	4
penicillin v potassium SOLR	62	phenoxybenzamine hcl	20	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	56
penicillin v potassium TABS	62	phentermine hcl CAPS	1	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	56
pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOPN	63
pentoxifylline	49	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	63
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20	phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN .	63
perindopril erbumine 4 MG	20	phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	63
PERJETA	25	PHEXXI	69	plerixafor	50
permethrin CREA	43	PHOSLYRA SOLN	48	PNEUMOVAX 23	66
permethrin LIQD EX	43	PHOTOFRIN	28	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	66
perphenazine TABS	30	PIFELTRO	32	podofilox SOLN	43
perphenazine-amitriptyline	63	pilocarpine hcl (oral)	57	polymyxin b sulfate SOLR	22
PERSERIS PRSY	30	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 59		polymyxin b-trimethoprim	60
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	68	pimecrolimus	43	POMALYST	26
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	68	pimozide	63	PORTRAZZA	25
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68		pindolol TABS	34	posaconazole SUSP	18
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68	pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 56	
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	56
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride CPCR	56
PHEBURANE PLLT	46	piperacillin sodium-tazobactam sodium	62	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	56
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	49	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27	potassium chloride in dextrose 5 %-	
		PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27		
		PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27		

20 MEQ/L	56	praziquantel	7	PREMARIN TABS	47
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	56	prazosin hcl CAPS	20	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	52
potassium chloride microencapsulated crystals er	56	PRECISION XTRA	44	PREMPHASE	47
potassium chloride PACK OR 20 MEQ	56	PRED MILD	60	PREMPRO	47
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56		PRED-G SUSP	60	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 58	
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	56	prednicarbate OINT	43	PRENATAL ONE DAILY TABS	58
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	56	prednisolone acetate (ophth)	60	PRENATAL PLUS TABS	58
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	56	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	60	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	58
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	56	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 38		PRENATAL TABS	58
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	48	prednisolone sodium phosphate TBDP	38	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	58
potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	56	prednisolone SOLN	38	PRENATAL VITAMIN TABS	58
POTELIGEO	25	prednisolone TABS	38	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 58	
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	39	prednisone SOLN	38	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	58
pralatrexate	24	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	38	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	29	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	38	PRENATRIX TABS	58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29	prednisone TBPK	38	PRENATRYL TABS	58
prasugrel hcl	49	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PREPLUS TABS	58
pravastatin sodium	19	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	63	PREVNAR 13	66
Index 27		pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 20	66
		pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZCOBIX	32
		pregabalin SOLN	12	PREZISTA SUSP	32
		PREHEVBRIO	68	PREZISTA TABS (darunavir)	32
		PREMARIN	69	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	32
		PREMARIN SOLR	47		

PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	32	propranolol hcl CP24	34	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21
PRIFTIN	23	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	34	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21
primaquine phosphate TABS	22	propranolol hcl TABS	34	quinidine sulfate TABS	8
primidone 50 MG, 250 MG	12	propylthiouracil	64	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
PRIORIX SUSR	68	protriptyline hcl	15	QVAR REDIHALER	9
probenecid	49	PTS PANELS KETONE TEST	44	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	58
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL TABS	58
prochlorperazine	30	PULMOZYME	64	rabeprazole sodium TBEC	65
prochlorperazine maleate TABS ..	30	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	58	raloxifene hcl	46
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50	pyrazinamide	23	ramelteon	51
PROCRIT 40000 UNIT/ML	50	pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramipril CAPS	20
PRODIGY CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	54	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	65
progesterone CAPS	62	pyridostigmine bromide TBCR	23	ranolazine TB12 1000 MG	7
PROGRAF PACK	57	pyrimethamine	22	ranolazine TB12 500 MG	7
PROGRAF SOLN	57	QC PRENATAL TABS	58	rasagiline mesylate	29
PROLASTIN-C SOLN	64	QINLOCK	27	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52
PROLEUKIN	28	QUADRACEL SUSP	65	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52
PROLIA SOSY	45	QUADRACEL SUSY	65	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	
promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	30	REBIF REBIDOSE SOAJ	63
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	30	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	63
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	30	REBIF SOSY	63
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	30	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	63
promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	68
propafenone hcl CP12	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	69
propafenone hcl TABS	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .	7
proparacaine hcl	60				

REGRANEX	43	ribavirin (hepatitis c) CAPS	33	roflumilast	9
RELENZA DISKHALER	33	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG		romidepsin SOLR	27
RELEXXII TBCR 27 MG	2	33		ropinirole hydrochloride TABS	29
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2	RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES		rifabutin	23	4 MG, 6 MG	29
30G	54	rifampin CAPS	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		rifampin SOLR	23	12 MG	29
25G	54	RIGHTEST GC300 HIGH CONTROL		rosuvastatin calcium TABS	19
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		LIQD	54	ROTARIX SUSP	69
30G	54	riluzole TABS	59	ROTARIX SUSR	69
RELION KETONE TEST STRIPS		rimantadine hydrochloride TABS ..	33	ROTATEQ SOLN	69
STRP	44	ringer's	56	ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG .	6
RELION TRUE METRIX		ringer's irrigation	57	ROZLYTREK CAPS	27
BLOODGLUCOSE TEST STRIPS		RINVOQ	2	RUBRACA	27
STRP	44	risedronate sodium TABS 150 MG	45	rufinamide SUSP	12
RENFLEXIS	48	risedronate sodium TABS 35 MG .	45	rufinamide TABS 200 MG	12
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risedronate sodium TABS 5 MG, 30		rufinamide TABS 400 MG	12
repaglinide 2 MG	16	MG	45	RUKOBIA	32
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		risedronate sodium TBEC	45	RUXIENCE	25
SOCT	19	RISPERDAL CONSTA (risperidone		RYBELSUS TABS	16
REPATHA SOSY	19	microspheres)	30	salsalate	4
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	risperidone microspheres	30	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	47
RETACRIT	50	risperidone SOLN	30	SANTYL OINT	43
RETEVMO	27	risperidone TABS	30	sapropterin dihydrochloride PACK	46
RETROVIR CAPS (zidovudine) ...	32	risperidone TBDP	30	sapropterin dihydrochloride TABS	46
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	32	ritonavir TABS	32	SAVELLA TABS	63
RETROVIR SYRP (zidovudine) ...	32	rivastigmine tartrate CAPS	62	SAVELLA TITRATION PACK MISC	63
REXULTI	30	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	55	63	
REYATAZ CAPS 200 MG (atazanavir		rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	55	saxagliptin hcl	16
sulfate)	32	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	55	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-	
REYATAZ CAPS 300 MG (atazanavir		rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	55	2.5 MG	15
sulfate)	32				
REYATAZ PACK	32				

saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	SIMPONI ARIA SOLN	3	solifenacin succinate TABS	66
scopolamine	17	SIMULECT	57	SOLQUA 100/33	15
SELECT INSULIN SYRINGES	54	simvastatin TABS	19	SOLOSEC	2
SELECT LANCETS	54	sirolimus TABS	57	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	38
selegiline hcl CAPS	29	SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 250 MG	38
selegiline hcl TABS	29	SIVEXTRO TABS	22	SOLU-MEDROL 2 GM	38
selenium sulfide LOTN 2.5 %	41	SKYRIZI PEN SOAJ	41	SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN 54	
SELZENTRY SOLN	32	SKYRIZI PSKT	41	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .	46
SELZENTRY TABS 150 MG (maraviroc)	32	SKYRIZI SOCT	48	sorafenib tosylate	27
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 32		SKYRIZI SOSY	41	SORBITOL 3 %	48
SELZENTRY TABS 300 MG (maraviroc)	32	SLYND	37	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48
SEREVENT DISKUS	10	SM PRENATAL VITAMINS TABS .	58	sotalol hcl (afib/afib)	34
sertraline hcl CONC	14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	55	sotalol hcl TABS 240 MG	34
sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium acetate SOLN	55	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	34
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	69
sevelamer carbonate PACK	48	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	38	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	69
sevelamer carbonate TABS	48	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	69
SHINGRIX	69	sodium citrate & citric acid	48	spinosad	43
SIGNIFOR	47	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	56	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	35	sodium phenylbutyrate POWD	46	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	35	sodium phenylbutyrate TABS	46	spironolactone & hydrochlorothiazide	45
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	35	sodium polystyrene sulfonate POWD 57		spironolactone TABS	45
sildenafil citrate	35	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	57	SPRAVATO 56MG DOSE	13
silodosin	48	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	51		
silver sulfadiazine	41	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	33		

SPRAVATO 84MG DOSE	13	9 %-4.5 %	39	SYMFI (efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	32
SPRYCEL	27	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	39	SYMFI LO (efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	32
stannous fluoride CONC	57	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYMTUZA	32
stavudine CAPS	32	sulfadiazine TABS	64	SYNAREL	46
STELARA 130 MG/26ML	48	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNERA PTCH	43
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	41	21	SYNJARDY TABS	15
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	41	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
STELARA SOSY 90 MG/ML	41	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
STENDRA	35	SULFAMYLON CREA	41	SYNRIBO	28
STIMATE SOLN NA	46	sulfasalazine TABS	48	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	65
STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TBEC	48	TABLOID	24
STIVARGA	27	sulindac TABS	4	TABRECTA	27
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan	55	tacrolimus (topical) OINT	43
STRIBILD	32	sumatriptan succinate SOAJ	55	tacrolimus CAPS	57
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOCT	55	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	35
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	55	tadalafil 5 MG	35
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan succinate TABS	55	TAFINLAR CAPS	27
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	sumatriptan-naproxen sodium	54	tafluprost	61
sucralfate SUSP	65	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	TAGRISSO 40 MG	25
sucralfate TABS	65	SUNLENCA TBPK	32	TAGRISSO 80 MG	25
sulconazole nitrate CREA	40	SUNOSI 150 MG	1	TAKHZYRO SOLN	49
sulconazole nitrate SOLN	40	SUNOSI 75 MG	1	TAKHZYRO SOSY	49
sulfacetamide sodium (acne)	39	SUSTIVA CAPS 200 MG (efavirenz)	32	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	27
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	60	SUSTIVA CAPS 50 MG (efavirenz)	32	tamoxifen citrate TABS	25
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	39	SUSTIVA TABS (efavirenz)	32	tamsulosin hcl	48
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39				
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD					

TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide (recombinant) SOPN ..	45	timolol maleate TABS	34
TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	45	tiopronin TBEC 100 MG	49
TASMAR (tolcapone)	29	TESTOSTERONE CYPIONATE		tiopronin TBEC 300 MG	49
tavaborole	40	SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiotropium bromide monohydrate	
tazarotene CREA	41	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	CAPS	9
TAZVERIK	27	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	TIVICAY PD TBSO	32
TECENTRIQ 1200 MG/20ML	25	tetrabenazine	63	TIVICAY TABS	32
TEFLARO	36	tetracycline hcl CAPS	64	tizanidine hcl CAPS	59
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .		THALOMID	57	tizanidine hcl TABS	59
12		theophylline ELIX	10	tobramycin (ophth) SOLN	60
TEGRETOL TABS (carbamazepine) .		theophylline SOLN	10	tobramycin NEBU	2
12		theophylline TB12	10	tobramycin sulfate SOLN IJ 10	
TEGSEDI	64	theophylline TB24	10	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2
telmisartan	20	THERANATAL CORE NUTRITION		tobramycin-dexamethasone SUSP	
telmisartan-amlodipine	21	TABS	58	60	
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	THIOLA EC TBEC 100 MG		TODAY SPONGE MISC	69
temazepam 15 MG, 30 MG	50	(tiopronin)	49	tolcapone	29
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	51	THIOLA EC TBEC 300 MG		tolmetin sodium CAPS	4
TEMODAR SOLR	23	(tiopronin)	49	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
temozolomide CAPS	23	thioridazine hcl	30	TOLSURA CAPS	18
temsirolimus	27	thiotepa 100 MG	23	tolterodine tartrate CP24	66
tenofovir disoproxil fumarate TABS		thiotepa 15 MG	23	tolterodine tartrate TABS	66
32		thiothixene	30	tolvaptan TABS	47
TEPADINA 100 MG (thiotepa)	23	THYMOGLOBULIN	57	topiramate CPSP 15 MG	12
terazosin hcl	20	THYROGEN 0.9 MG	44	topiramate CPSP 25 MG	12
terbinafine hcl TABS	18	tiagabine hcl	12	topiramate CS24	12
terbutaline sulfate SOLN	10	TIBSOVO	27	topiramate TABS 200 MG	12
terbutaline sulfate TABS	10	TICE BCG	28	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	12
terconazole vaginal CREA	69	tigecycline	64	topiramate TABS 50 MG	12
terconazole vaginal SUPP	69	timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLN	29
teriflunomide	63	timolol maleate (ophth) SOLN	59	TOPOTECAN HCL SOLN	29

topotecan hcl SOLR	29	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	trihexyphenidyl hcl TABS	29
toremifene citrate	26	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG ..	15
torseamide TABS	45	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	59	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
TRACLEER TBSO	35	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	43	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG ..	64
tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	43	trimethobenzamide hcl CAPS	17
tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	43	trimethoprim TABS	21
tramadol-acetaminophen	6	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	43	trimipramine maleate CAPS	15
trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	43	TRINTELLIX	14
trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	43	TRIUMEQ PD TBSO	32
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	43	TRIUMEQ TABS	32
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	38	TRIZIVIR	32
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	43	tropicamide SOLN 0.5 %	59
tranexamic acid TABS	50	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	45	tropicamide SOLN 1 %	59
tranylcypromine sulfate	13	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	45	tropium chloride CP24	66
travoprost SOLN	61	triamterene CAPS	45	tropium chloride TABS	66
TRAZIMERA	25	triazolam	51	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	44
trazodone hcl TABS	14	TRICARE TABS	58	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	54
TRECTOR	23	trientine hcl 250 MG	56	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 44	44
TRELEGY ELLIPTA	10	trifluoperazine hcl TABS	30	TRUETRACK TEST STRP	44
TRELSTAR MIXJECT	26	trifluridine	60	TRULICITY	16
TREMFYA SOPN	41	trihexyphenidyl hcl SOLN	29	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52
TREMFYA SOSY	41			TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	52
treprostinil SOLN IJ	35			TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	52
tretinoin (chemotherapy)	28			TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	53
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	39				
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	39				
tretinoin microsphere 0.1 %	39				

TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDD MISC	53	TYVASO SOLN IN	35	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	53	TYVASO STARTER SOLN IN	35	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	53	UBRELVY	54	VAQTA	69
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53		UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7	varenicline tartrate TABS	64
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	53	UDENYCA ONBODY SOSY	50	varenicline tartrate TBPK	64
TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDD MISC	53	UDENYCA SOAJ	50	VARIVAX INJ	69
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC . 53		UDENYCA SOSY	50	VARUBI TBPK	17
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	53	UNISTRIP CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	54	VAXNEUVANCE	66
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53		UPTRAVI TABS 200 MCG	35	VECAMEYL	21
TRUVADA (emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate)	32	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	35	VECTIBIX 100 MG/5ML	25
TRUXIMA	25	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 35		VECTIBIX 400 MG/20ML	25
TUKYSA	25	ursodiol CAPS	47	VELPHORO	48
TURALIO	27	ursodiol TABS	47	venlafaxine hcl CP24 150 MG	14
TUZISTRA XR	38	UVADEX	28	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14
TWINRIX SUSY	69	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	33	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14
TWIRLA	37	valacyclovir hcl 500 MG	33	venlafaxine hcl TABS	14
TYBLUME CHEW	37	valganciclovir hcl TABS	33	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14
TYBOST	32	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	13	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14
TYMLOS	45	valproic acid CAPS	13	VENOFER	50
TYVASO REFILL SOLN IN	35	valrubicin	26	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	34
		valsartan TABS	20	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	34
		valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	34
		VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	11	verapamil hcl TABS	34
		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	verapamil hcl TBCR	34
		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VEREGEN	39
		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	VERZENIO	27
		vancomycin hcl CAPS	21	VICTOZA	16

vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53	XOLAIR SOLR	8
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8
vincristine sulfate	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53	XOSPATA	28
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53	XPOVIO	26
vinorelbine tartrate 50 MG/5ML	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26	
VIRACEPT TABS 250 MG	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26	
VIRACEPT TABS 625 MG	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XTAMPZA ER	6
VIREAD POWD	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XTANDI CAPS	26
VIREAD TABS (tenofovir disoproxil fumarate)	32	XALKORI CAPS	28	XTANDI TABS 40 MG	26
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	32	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XTANDI TABS 80 MG	26
VISTOGARD	17	XARELTO SUSR	10	XULTOPHY 100/3.6	15
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YERVOY	25
VITATHELY/GINGER TABS	58	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11	YONDELIS	23
VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ SOLN	2	YONSA	26
VITRAKVI SOLN	27	XELJANZ TABS 10 MG	2	zafirlukast	9
VIVIMUSTA SOLN	23	XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 10 MG	51
VIZIMPRO	25	XELJANZ XR TB24	2	zaleplon 5 MG	51
VORAXAZE	28	XEOMIN	59	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
voriconazole TABS	18	XGEVA SOLN	45	ZANOSAR	23
VOTRIENT (pazopanib hcl)	28	XHANCE EXHU	59	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VYNDAMAX	35	XIFAXAN 200 MG	21	ZARXIO	50
VYNDAQEL	35	XIFAXAN 550 MG	21	ZEJULA CAPS	28
VYVANSE CAPS	1	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZELBORAF	28
VYXEOS	26			ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
warfarin sodium TABS	10				
water for irrigation, sterile	57				
WESTAB PLUS TABS	58				

24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	44
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	44
ZIAGEN SOLN (abacavir sulfate) ..	32
ZIAGEN TABS (abacavir sulfate) ..	32
zidovudine CAPS	32
zidovudine SYRP	32
zidovudine TABS	32
ZIEXTENZO	50
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	29
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	60
ZOLADEX 10.8 MG	26
ZOLADEX 3.6 MG	26
zoledronic acid CONC	45
zoledronic acid SOLN	45
ZOLINZA	28
zolmitriptan SOLN	55
zolmitriptan TABS	55
zolmitriptan TBDP	55
zolpidem tartrate TABS	51
zolpidem tartrate TBCR	51
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	46
ZYDELIG	28
ZYLET	60

